

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: [www.dowaco.vn](http://www.dowaco.vn)
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ     24h     72h     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung công bố thông tin như sau:**

- Giải trình chênh lệch số liệu lũy kế trên Báo cáo tài chính quý II/2016 so với số liệu 6 tháng đầu năm 2016 đã được kiểm toán tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (đính kèm công văn số 1074/CN ngày 12/8/2016).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2016 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân

Người được ủy quyền  
công bố thông tin



Lê Duy Diệp



**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU BCTC RIÊNG VÀ BCTC HỢP NHẤT BÁN NIÊN NĂM 2016 TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

A. Giải trình chênh lệch BCTC riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 trước và sau kiểm toán:

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
A/ Tài sản ngắn hạn	100	437.682.110.281	442.871.710.052	5.189.599.771	
IV/ Tài sản ngắn hạn khác	150	10.831.202.892	16.020.802.663	5.189.599.771	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	5.189.599.771	5.189.599.771	Thuế TNDN đã nộp quý 1/2016
B/ Tài sản dài hạn	200	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>3.265.511.704.535</b>	<b>3.270.701.304.306</b>	<b>5.189.599.771</b>	
C/ Nợ phải trả	300	2.056.485.470.008	2.249.293.112.902	192.807.642.894	
I/ Nợ ngắn hạn	310	567.024.948.113	563.848.652.470	(3.176.295.643)	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.152.068.014	2.975.772.371	(3.176.295.643)	Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp quý 2/2016
4. Phải trả người lao động	314	6.969.880.095	5.269.880.095	(1.700.000.000)	Điều chỉnh giảm chi phí tiền lương của bộ phận bán hàng
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	1.700.000.000	1.700.000.000	Trích trước chi phí lãi vay của DACN Nhơn Trạch
II/ Nợ dài hạn	330	1.489.460.521.895	1.685.444.460.432	195.983.938.537	
8. Vay và nợ thuê tài chính	338	1.381.244.103.544	1.577.228.042.081	195.983.938.537	Điều chỉnh tăng Nợ vay dài hạn từ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ
D/ Vốn chủ sở hữu		1.209.026.234.527	1.021.408.191.404	(187.618.043.123)	
I/ Vốn chủ sở hữu		1.208.294.547.701	1.020.676.504.578	(187.618.043.123)	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	182.281.038.285	(5.337.004.838)	(187.618.043.123)	Điều chỉnh các khoản Chi phí thuế TNDN quý 1,2/2016 và Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	44.668.185.655	(142.949.857.468)	(187.618.043.123)	Điều chỉnh các khoản Chi phí thuế TNDN quý 1,2/2016 và Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>3.265.511.704.535</b>	<b>3.270.701.304.306</b>	<b>5.189.599.771</b>	





## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
7. Chi phí tài chính	22	31.912.951.086	229.596.889.623	197.683.938.537	Điều chỉnh tăng do việc trích trước chi phí lãi vay của DACN Nhơn Trạch và kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ
8. Chi phí bán hàng	25	39.085.305.531	37.385.305.531	(1.700.000.000)	Điều chỉnh giảm chi phí bộ phận bán hàng
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	53.087.285.455	(142.896.653.082)	(195.983.938.537)	Tổng hợp ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	53.034.081.069	(142.949.857.468)	(195.983.938.537)	Tổng hợp ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.365.895.414	-	(8.365.895.414)	Không phát sinh chi phí thuế TNDN hiện hành do lợi nhuận kế toán trước thuế âm
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	44.668.185.655	(142.949.857.468)	(187.618.043.123)	Tổng hợp ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh về chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí thuế TNDN hiện hành

## 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.034.081.069	(142.949.857.468)	(195.983.938.537)	Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ vào chi phí tài chính
2. Điều chỉnh cho các khoản		102.961.127.394	288.024.819.967	185.063.692.573	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	195.983.938.537	195.983.938.537	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.815.720.756)	(12.736.066.720)	(10.920.345.964)	Đánh giá sai do đưa thêm giá trị về lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	155.995.208.463	145.074.962.499	(10.920.245.964)	
- Tăng, giảm các khoản thu	09	(1.593.091.008)	(6.782.690.779)	(5.189.599.771)	Tăng thêm khoản thuế TNDN phải thu nhà nước
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(142.405.445.862)	(129.441.377.294)	12.964.068.568	Điều chỉnh sai các khoản phải trả do ảnh hưởng từ các chỉ tiêu khác
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.236.940.138)	(58.382.717.305)	(3.145.777.167)	Tổng hợp ảnh hưởng của các điều chỉnh trên
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					



4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(309.521.936.971)	(306.376.159.804)	3.145.777.167	Điều chỉnh sai chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	188.211.817.439	191.357.594.606	3.145.777.167	Điều chỉnh sai chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**B. Giải trình chênh lệch BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 trước và sau kiểm toán:**

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
<b>A/ Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>544.695.026.547</b>	<b>549.884.626.318</b>	<b>5.189.599.771</b>	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>12.732.522.539</b>	<b>17.922.122.310</b>	<b>5.189.599.771</b>	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	109.464.996	5.299.064.767	5.189.599.771	Điều chỉnh tăng khoản phải thu là thuế TNDN đã nộp quý 1/2016
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>3.351.309.555.808</b>	<b>3.356.499.155.579</b>	<b>5.189.599.771</b>	
<b>C/ Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>2.040.836.172.130</b>	<b>2.234.305.942.786</b>	<b>193.469.770.656</b>	
<b>1- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>567.841.973.611</b>	<b>565.327.805.730</b>	<b>(2.514.167.881)</b>	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.458.900.920	4.282.605.277	(3.176.295.643)	Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp quý 2/2016
4. Phải trả người lao động	314	8.691.996.493	6.991.996.493	(1.700.000.000)	Điều chỉnh giảm chi phí tiền lương của bộ phận bán hàng
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	1.700.000.000	1.700.000.000	Trích trước chi phí lãi vay của DACN Nhon Trạch
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	20.685.637.177	21.347.764.939	662.127.762	Điều chỉnh tăng trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 của công ty con
<b>2- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>1.472.994.198.519</b>	<b>1.668.978.137.056</b>	<b>195.983.938.537</b>	
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.381.244.103.544	1.577.228.042.081	195.983.938.537	Điều chỉnh tăng Nợ vay dài hạn từ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ
<b>D/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>1.310.473.383.678</b>	<b>1.122.193.212.793</b>	<b>(188.280.170.885)</b>	
<b>1- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.309.698.725.287</b>	<b>1.121.418.554.402</b>	<b>(188.280.170.885)</b>	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18.240.361.953	18.764.721.167	524.359.214	Điều chỉnh hồi tố theo quy định về thặng dư vốn do phát hành thêm của công ty con
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	13.109.340.000	13.109.346.750	6.750	Sai số khi tính toán
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	35.102.589.937	35.102.584.628	(5.309)	Sai số khi tính toán
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	209.360.098.962	20.874.303.842	(188.485.795.120)	Công ty mẹ lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ và công ty con tăng trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi

025

NG

PHA

NU

GN

I. D



- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	43.501.284.959	(136.224.131.251)	(179.725.416.210)	Tổng hợp ảnh hưởng từ các bút toán Chi phí thuế TNDN, chi phí tài chính do lỗ chênh lệch tỷ giá, vốn góp vào công ty con (phần thặng dư vốn do phát hành thêm)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	98.122.100.535	97.803.364.114	(318.736.421)	Bổ sung thêm bút toán trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi của công ty con 6 tháng đầu năm 2016.
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>3.351.309.555.808</b>	<b>3.356.499.155.579</b>	<b>5.189.599.771</b>	

## 2. BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
- Giá vốn hàng bán	11	295.495.708.798	295.495.708.797	(1)	Sai số khi tính toán
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20	155.597.270.719	155.597.270.720	1	Sai số khi tính toán
- Chi phí tài chính	22	31.456.562.930	229.140.501.467	197.683.938.537	Bổ sung bút toán trích trước chi phí lãi vay DACN Nhơn Trạch và kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ
- Chi phí lãi vay	23	20.416.655.789	22.120.267.633	1.703.611.844	Bổ sung bút toán trích trước chi phí lãi vay DACN Nhơn Trạch và đưa thiếu phần chi phí lãi vay của công ty con
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	2.321.984.326	1.941.754.306	(380.230.020)	Đánh giá sai lãi lỗ hoạt động liên kết
- Chi phí bán hàng	25	41.776.151.225	40.076.151.225	(1.700.000.000)	Điều chỉnh giảm chi phí tiền lương của bộ phận bán hàng
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	62.297.504.959	(134.066.663.597)	(196.364.168.556)	Ảnh hưởng từ các bút toán điều chỉnh Chi phí tài chính, Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết và Chi phí bán hàng
- Thu nhập khác	31	570.353.168	315.353.168	(255.000.000)	Chưa điều chỉnh phần hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con
- Lợi nhuận khác	40	(75.852.572)	(330.852.572)	(255.000.000)	Chưa điều chỉnh phần hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	62.221.652.387	(134.397.516.169)	(196.619.168.556)	Tổng hợp ảnh hưởng từ các điều chỉnh trên
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.890.799.628	3.524.904.214	(8.365.895.414)	Giảm chi phí thuế TNDN của công ty mẹ do lợi nhuận kế toán trước thuế âm
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	50.228.918.776	(138.024.354.366)	(188.253.273.142)	Tổng hợp ảnh hưởng từ các chỉ tiêu trên
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	43.501.284.959	(144.751.989.538)	(188.253.274.497)	Ảnh hưởng từ chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN và Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	6.727.633.817	6.727.635.172	1.355	Sai số khi tính toán



### 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.221.652.387	(134.397.516.169)	(196.619.168.556)	Tổng hợp ảnh hưởng từ các điều chỉnh trên Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh về các chi tiêu Chi phí tài chính, Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, Chi phí bán hàng, Hoàn nhập dự phòng
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Các khoản dự phòng	03	(785.000.000)	(530.000.000)	255.000.000	Chưa loại trừ phần hoàn nhập dự phòng của khoản đầu tư vào công ty con
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	195.983.938.537	195.983.938.537	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kì
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.480.607.371	(5.059.408.573)	(10.540.015.944)	Đánh giá sai do đưa thêm giá trị về lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và phần lãi trong công ty liên kết
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	155.995.208.463	145.074.962.499	(10.920.245.964)	
- Tăng, giảm các khoản thu	09	23.387.264.297	18.202.064.527	(5.185.199.770)	Tăng thêm khoản thuế TNDN phải thu nhà nước
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(170.271.474.304)	(159.011.805.737)	11.259.668.567	Điều chỉnh sai các khoản phải trả do ảnh hưởng từ các chi tiêu khác
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.236.940.138)	(58.382.717.305)	(3.145.777.167)	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(309.521.936.971)	(306.376.159.804)	3.145.777.167	Điều chỉnh sai chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	188.211.817.439	191.357.594.606	3.145.777.167	

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Kiểm toán nội bộ;
- Lưu VT.TC-HC.

Đông Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÔNG NAI

TP. BIÊN HÒA - T. ĐÔNG NAI

Phan Hùng